

B NG ãI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35KT1 NÑm h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122164301801 - Ki m to ãn H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñI M THI	QUY TS 50%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3542010120	35KT1	Tr ãng T ãn An	07/1989	6.0					7.0					6.7	3.4	7.0	3.5	6.8	
2	3542010491	35KT1	Phan VÑñ Công	25/05/1991	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
3	3542010253	35KT1	L ãng B u Chi	18/12/1991	6.0					5.0					5.3	2.7	5.0	2.5	5.2	
4	3542010571	35KT1	ñ ãnh Th Ph ãng Dung	26/11/1992	0.0					9.0					6.0	3.0	6.0	3.0	6.0	
5	3440000017	35KT1	Phan Th Tr ³ / ₄ c ã @	01/01/1993	5.0					7.0					6.3	3.2	6.0	3.0	6.2	
6	3542010182	35KT1	Tr ãn Th Thu Hà	14/08/1988	5.0					7.0					6.3	3.2	8.0	4.0	7.2	
7	3542010224	35KT1	T Gia Hãn	05/03/1992	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
8	3542010075	35KT1	Nguy ãn Th Thu Hi ãn	17/12/1993	7.0					6.0					6.3	3.2	7.0	3.5	6.7	
9	3542010188	35KT1	Nguy ãn Th Ki u Hoa	02/03/1993	6.0					8.0					7.3	3.7	6.0	3.0	6.7	
10	3542010487	35KT1	Nguy ãn Th Hoài	03/03/1993	7.0					8.0					7.7	3.9	9.0	4.5	8.3	
11	3542010280	35KT1	Tr ãng Bñ H c	00/ /1992	6.0					7.0					6.7	3.4	6.0	3.0	6.3	
12	3542010685	35KT1	Cao Th Kim H ãng	28/02/1983	6.0					7.0					6.7	3.4	6.0	3.0	6.3	
13	3542010130	35KT1	L ^a m Th Ng c Huy ãn	26/09/1993	6.0					7.0					6.7	3.4	6.0	3.0	6.3	
14	3542010031	35KT1	Nguy ãn Th Di u Huy ãn	06/08/1992	6.0					7.0					6.7	3.4	6.0	3.0	6.3	
15	3542010549	35KT1	Nguy ãn Th Thu H ãng	20/08/1993	7.0					7.0					7.0	3.5	6.0	3.0	6.5	
16	3542010079	35KT1	Nguy ãn Th Thanh H ãng	29/06/1993	7.0					7.0					7.0	3.5	5.0	2.5	6.0	
17	3342010034	35KT1	L ² VIO Ki t	25/11/1990	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
18	3542010581	35KT1	ñ @ Ph ãng Lan	28/10/1993	5.0					6.0					5.7	2.9	5.0	2.5	5.3	
19	3542010069	35KT1	Nguy ãn Th Lanh	06/11/1993	6.0					9.0					8.0	4.0	5.0	2.5	6.5	
20	3542010539	35KT1	Tr ãn Th M Liãn	06/08/1992	5.0					6.0					5.7	2.9	5.0	2.5	5.3	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35KT1 NÑm h c : 2012-2013 ã VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122164301801 - Ki m to ãn H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñI M THI	QUY TS 50%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3542010567	35KT1	Ch ^u C m Lìn	12/06/1990	5.0					8.0					7.0	3.5	7.0	3.5	7.0	
22	3371010248	35KT1	V ¹ / ₂ H u L c	25/06/1991	6.0					7.0					6.7	3.4	7.0	3.5	6.8	
23	3542010067	35KT1	Nguy n Th M L ng	21/07/1993	8.0					6.0					6.7	3.4	5.0	2.5	5.8	
24	3440000041	35KT1	L ² Th M	16/03/1984	8.0					7.0					7.3	3.7	8.0	4.0	7.7	
25	3544010043	35KT1	Nguy n H u M	04/10/1992	5.0					7.0					6.3	3.2	5.0	2.5	5.7	
26	3542010295	35KT1	L ² Th Tuy t Ngãn	15/10/1993	7.0					6.0					6.3	3.2	7.0	3.5	6.7	
27	3542010576	35KT1	Nguy n Th Thanh Ngãn	23/09/1993	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
28	3542010189	35KT1	Nguy n Tr ng Nhãn	29/06/1993	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
29	3440000043	35KT1	D ng Minh Nh t	24/10/1995	0.0					0.0					0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
30	3542010169	35KT1	Nguy n Th Nh	16/08/1992	8.0					6.0					6.7	3.4	8.0	4.0	7.3	
31	3542010107	35KT1	Tr ng Th B ^á ch Nh	06/05/1991	6.0					6.0					6.0	3.0	6.0	3.0	6.0	
32	3542010193	35KT1	Nguy n Thanh Nh t	24/03/1993	6.0					7.0					6.7	3.4	5.0	2.5	5.8	
33	3542010094	35KT1	Tr n Th Ph ng	12/08/1993	7.0					7.0					7.0	3.5	8.0	4.0	7.5	
34	3542010145	35KT1	Nguy n Th R	24/04/1993	0.0					9.0					6.0	3.0	8.0	4.0	7.0	
35	3542010518	35KT1	Nguy n Thi ² n Tài	25/07/1992	5.0					7.0					6.3	3.2	6.0	3.0	6.2	
36	3542010116	35KT1	Hà Thanh Tâm	14/11/1991	8.0					7.0					7.3	3.7	5.0	2.5	6.2	
37	3542010065	35KT1	Phan Thanh Tu n	16/02/1993	7.0					7.0					7.0	3.5	6.0	3.0	6.5	
38	3440000074	35KT1	Nguy n Th Thanh Tuy n	14/07/1988	7.0					7.0					7.0	3.5	5.0	2.5	6.0	
39	3542010171	35KT1	Nguy n Th Y n Thi	07/06/1993	6.0					7.0					6.7	3.4	6.0	3.0	6.3	
40	3542010175	35KT1	Ngô Minh Tho i	30/05/1993	5.0					7.0					6.3	3.2	5.0	2.5	5.7	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35KT1 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 3
(45,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122164301801 - Ki m to n H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
41	3542010403	35KT1	Nguy n Th Th m	22/02/1985	7.0					7.0					7.0	3.5	6.0	3.0	6.5	
42	3542010030	35KT1	Cao Th B'ch Th y	01/10/1992	7.0					7.0					7.0	3.5	7.0	3.5	7.0	
43	3542010138	35KT1	Nguy n Ng c M Trang	20/12/1993	6.0					6.0					6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
44	3542010600	35KT1	Tr nh Thu Trang	28/09/1992	6.0					8.0					7.3	3.7	5.0	2.5	6.2	
45	3542010034	35KT1	L ² Th H ng Trà	17/01/1993	7.0					9.0					8.3	4.2	7.0	3.5	7.7	
46	3542010111	35KT1	Nguy n Xu ^a n Tri u	26/08/1993	2.0					0.0					0.7	0.4	5.0	2.5	2.8	
47	3542010525	35KT1	Tr ng Th Minh Trình	01/01/1993	8.0					9.0					8.7	4.4	5.0	2.5	6.8	
48	3542010141	35KT1	Nguy n Th H ng Vân	11/12/1993	5.0					7.0					6.3	3.2	6.0	3.0	6.2	
49	3542010354	35KT1	Nguy n Th Vinh	16/04/1988	7.0					7.0					7.0	3.5	8.0	4.0	7.5	
50	3542010277	35KT1	ấ ng Ng c Xuyên	01/04/1993	5.0					6.0					5.7	2.9	5.0	2.5	5.3	

T ng s : 50 h c sinh sinh vi² n Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi o Vi² n B M n Gi o V Khoa